



GIÁ TRỊ VÀ THỨ HẠNG MỘT SỐ CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM TRONG SỰ SO SÁNH VỚI 8 NƯỚC CÓ QUAN HỆ GẦN VỚI NƯỚC TA

PGS.TS. ĐẶNG QUỐC BẢO

1. Bốn sự đánh giá của quốc tế cần quan tâm

Khi xác định các chỉ số phát triển của đất nước, cần dựa vào chuẩn nào đó để phấn đấu vươn tới.

Có một số xếp loại ngày nay được thực hiện bởi các tổ chức quốc tế có uy tín. “Tin hay chưa tin” là tùy, bởi cách tính của họ khác với cách tính của ta, lại có những chỉ số mà ta chưa tính. Tuy vậy khi đọc các con số về giá trị và thứ hạng do họ công bố vẫn gây cho ta nhiều “cảm xúc” bởi lẽ ta có cái nhìn rộng hơn về trạng thái của nước ta trong bức tranh chung trên thế giới.

Thừa kế tư liệu của Trần Xuân Hoà (xem tài liệu tham khảo) và Báo cáo phát triển con người của UNDP năm 2011, chúng tôi xin trình bày 4 sự đánh giá sau:

* Đánh giá về chỉ số phát triển con người HDI

Do chương trình phát triển của Liên hiệp quốc thực hiện (UNDP - United nations Development Program)

* Đánh giá về chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu

Do Tổ chức sở hữu trí tuệ quốc tế thực hiện (WIPO - World Intellectual Property Organization)

* Đánh giá về chỉ số năng lực cạnh tranh toàn cầu

Do Diễn đàn kinh tế thế giới thực hiện (WEF - World Economic Forum)

* Đánh giá về chỉ số trong sạch trên thế giới

Còn gọi là chỉ số liên quan đến cảm nhận tham nhũng do Tổ chức minh bạch toàn cầu thực hiện. (TI - Transparency International)

Trong các đánh giá trên, đánh giá về HDI (Chỉ số phát triển con người) được coi là đánh giá phát triển tổng hợp sức lao động của một đất nước.

2. Giá trị thế vị của Việt nam qua 4 sự đánh giá trên.

* Chỉ số phát triển con người của Việt Nam có giá trị 0,593 xếp thứ 128/187 nước.

* Chỉ số sáng tạo thế giới của Việt nam có giá trị 36,71 xếp thứ 51/125 nước

* Chỉ số năng lực cạnh tranh thế giới của Việt nam có giá trị 4,27 xếp thứ 59/139 nước

* Chỉ số trong sạch trên thế giới của Việt Nam có giá trị 2,7 xếp thứ 116/179 nước.

3. Cần thực hiện một chiến lược giáo dục để sự phát triển của Việt Nam đến năm 2020 đạt được trạng thái của Thái Lan năm 2011

3.1. Đánh giá một con người ngày nay thường quy về 4 mặt:

Kiến thức, thái độ, kĩ năng, “Tổng hợp sức lao động”

Vận dụng khung này để “nhận diện” nước ta và coi:

Bảng so sánh Việt Nam với 8 nước tương đối quen thuộc với Việt Nam về 4 chỉ số trên

	Chỉ số phát triển con người		Chỉ số sáng tạo		Chỉ số năng lực cạnh tranh		Chỉ số trong sạch	
	Giá trị	Thứ hạng trên 178 nước	Giá trị	Thứ hạng trên 125 nước	Giá trị	Thứ hạng trên 139 nước	Giá trị	Thứ hạng trên 179 nước
Singapor	0,866	26	59,04	3	5,48	3	9,3	1
Malaixia	0,761	61	44,05	31	4,88	26	5,6	44
Nga	0,755	66	35,85	56	4,24	65	2,1	154
Trung Quốc	0,687	101	46,43	29	4,84	27	3,5	78
Thái Lan	0,628	103	37,63	48	4,51	38	3,5	78
Philippin	0,644	112	28,98	91	3,96	85	2,4	134
Indônêxia	0,617	124	27,78	99	4,43	44	2,8	110
Việt Nam	0,593	128	36,71	51	4,27	59	2,7	116
Campuchia	0,523	139	25,46	111	3,63	109	2,1	154

Chỉ số sáng tạo biểu thị cho "Kiến thức"
 Chỉ số trong sạch biểu thị cho "Thái độ"
 Chỉ số năng lực cạnh tranh biểu thị cho "Kĩ năng"
 Chỉ số phát triển con người biểu thị cho "Tổng hợp sức lao động"

- Có thể tạm định vị như sau:
- Về "Kiến thức" ta ở mức trung bình cao (+) (Chỉ số sáng tạo của Việt nam xếp thứ 51/125 nước).
 - Về "Thái độ" ta ở mức trung bình thấp (-) (Chỉ số trong sạch Việt nam xếp thứ 116/179 nước).
 - Về "Kĩ năng" ta ở mức trung bình thông thường (0) (Chỉ số năng lực cạnh tranh Việt nam xếp thứ 59/139 nước).

- Về "Tổng hợp sức lao động" ta ở mức trung bình thấp (-) (Chỉ số HDI Việt nam xếp thứ 128/187 nước).

(UNDP xếp các nước có thứ hạng từ 142 trở xuống ở mức kém phát triển)

3.2. Việt Nam đang hoàn tất chiến lược giáo dục thời kì 2010 - 2020, một chiến lược được coi là then chốt cho phát triển đất nước trong thời kì mới. Liệu đến năm 2020 Giáo dục Việt Nam có góp nhiều đưa đất nước phát triển bằng Thái Lan đã đạt được vào năm 2011 không (?). Câu trả lời là do mỗi người làm công tác giáo dục từ chính khách đến giáo viên trên bục giảng.

Tình hình 2 nước năm 2011 như sau:

So sánh Việt Nam với Thái Lan

Các chỉ số	Nước	Thái Lan năm 2011		Việt Nam năm 2011		
		Giá trị	Thứ hạng	Giá trị	Thứ hạng	So sánh với Thái Lan
Phát triển con người (Trên 187 nước)		0,682	103	0,953	128	Kém 25 bậc
Sáng tạo (Trên 128 nước)		37,63	48	36,71	51	Kém 3 bậc
Năng lực cạnh tranh (Trên 139 nước)		4,51	38	4,27	59	Kém 21 bậc
Trong sạch (Trên 179 nước)		3,50	78	2,70	116	Kém 38 bậc

Xin nêu thêm một vài khía cạnh so sánh khác của Việt Nam và Thái Lan năm 2011.

Các thành phần của HDI

Chỉ số	Tuổi thọ	Số năm học trung bình MYS	Số năm học kỳ vọng EYS	GIN_Thu nhập (PPP-USD) bình quân
Nước				
Thái Lan	74,1	6,6	12,3	7694
Việt Nam	75,2	5,5	10,4	2805

Nhận xét:

Trong năm 2011 Việt Nam hơn Thái Lan về tuổi thọ bình quân (75,2 - 74,1) còn thua Thái Lan về các chỉ số khác

Hồi cố HDI từ 1990 đến 2011

HDI năm	1990	2000	2005	2009	2010	2011
Nước						
Thái Lan	0,566	0,626	0,656	0,673	0,680	0,682
Việt Nam	0,435	0,528	0,561	0,584	0,590	0,593

Nhận xét:

Mức HDI = 0,593 mà Việt Nam đạt được năm 2011 thì Thái Lan đã đã đạt được khoảng năm 1996. Như vậy riêng về HDI, Việt Nam chậm hơn Thái Lan khoảng 15 năm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1/ Các Báo cáo phát triển con người HDR của UNDP, các năm 2010 - 2011.

2/ Trần Xuân Hoài, "Việt Nam qua các chỉ số quốc tế. Trí tuệ khá, Năng lực trung bình, mức độ trong sạch thấp", Tạp chí Tia Sáng, Bộ Khoa học công nghệ số 22 ngày 20/11/2011.

SUMMARY

The article presents values and ranks of 4 basic development indicators of Vietnam in comparison with 8 close countries, based on that to conclude "A strategic education plan shall be conducted so that Vietnamese education in 2020 could be that of Thailand in 2011".

PHƯƠNG PHÁP LUẬN NGHIÊN CỨU ĐỔI MỚI GIÁO DỤC PHỔ THÔNG HIỆN NAY

PGS.TS. HÀ NHẬT THĂNG

Việt Nam đổi mới giáo dục (GD) từ thập niên cuối thế kỉ XX và triển khai đại trà theo phương hướng “cuốn chiếu” từ năm 2000 bắt đầu từ tiểu học, trung học cơ sở (THCS) và trung học phổ thông (THPT). Sau khi triển khai đại trà thì liền sau đó là khởi động đổi mới GD, đào tạo của hệ thống CĐSP và ĐHSP nhằm đào tạo đội ngũ giáo viên (GV) phục vụ cho phát triển giáo dục phổ thông (GDPT). Phương pháp luận đổi mới GD trên là phù hợp với quy luật của đổi mới GD thời kì CNH - HĐH đất nước. *Thực chất đổi mới GD lần này là một cuộc cách mạng GD nhằm nâng cao chất lượng giáo dục thực hiện chiến lược khai thác nguồn lực người - yếu tố quyết định sự phát bền vững về con người, kinh tế xã hội và tự nhiên vì vậy phải tiến hành đổi mới tổng thể, bắt đầu từ phổ thông.*

Cuộc cách mạng GD đã được triển khai hết vòng 1 và dự kiến sau năm 2015 sẽ triển khai vòng 2. Bộ GD&ĐT thành lập “Ban soạn thảo Đề án đổi mới chương trình và sách giáo khoa GDPT sau năm 2015”. Dù ở vòng 2 có điều chỉnh thì vẫn theo phương pháp luận tiếp cận chung đã được quán triệt thực hiện từ vòng 1.

1. Những quy luật của sự phát triển GD

+ Quy luật thứ nhất: *Mối quan hệ chế ước, chi phối của điều kiện kinh tế xã hội (KTXH), tự nhiên và đặc điểm con người Việt Nam tới sự phát triển GD*

Quy trình thực hiện đổi mới GD hiện nay tuân thủ quy luật quan trọng nhất của quá trình phát triển GD đó là sự **chế ước** chi phối của những điều kiện tự nhiên, xã hội, đặc điểm con người (dân tộc)

của quá khứ, hiện tại và xu thế phát triển trong và ngoài nước, đặc biệt bước vào thế kỉ XXI - thời đại hội nhập toàn cầu vì những thách thức của thời đại với sự phát triển của mỗi quốc gia.

Có thể mô hình hoá quy luật trên như sau (xem mô hình 1):

+ Quy luật thứ 2: *Sự phát triển nhân cách toàn diện luôn bị chế ước, chi phối biện chứng, giao thoa bởi các tác động của môi trường vi mô và vĩ mô. Hiệu quả và chất lượng của GD, dạy học là tổng hoà của hoạt động cá nhân và thống nhất tác động của các quan hệ xã hội và tự nhiên.*

Về lí luận cũng như trong thực tế, quá trình phát triển nhân cách luôn luôn chịu ảnh hưởng của 4 yếu tố:

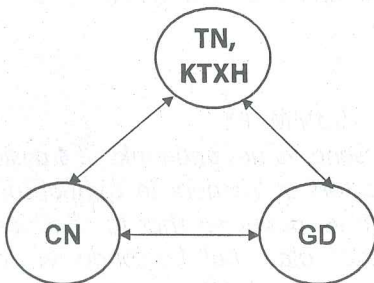
- **Một là, yếu tố bản sinh di truyền**, đây là yếu tố sinh học, là tiền đề vật chất. Ngày nay, do những tác động của điều kiện KTXH đã và đang có những thay đổi rất lớn so với mấy chục năm trước đây.

- **Hai là, yếu tố hoàn cảnh**; bao gồm cả hoàn cảnh tự nhiên và hoàn cảnh xã hội, được coi là môi trường của sự phát triển. Chưa bao giờ trong lịch sử nhân loại hoàn cảnh tự nhiên và xã hội lại diễn biến phức tạp, thường xuyên và có tính toàn cầu như hiện nay ví dụ: Động đất, sóng thần ở Nhật Bản tháng 3/2011; Những diễn biến chính trị ở các quốc gia, các cuộc khủng hoảng tài chính có tính toàn cầu đã buộc phải hội nhập... Hoàn cảnh tự nhiên và xã hội đó có ảnh hưởng rất lớn đến việc đổi mới GD của các nước.

- **Ba là, yếu tố hoạt động cá nhân**; Cá nhân là chủ thể của sự phát triển nhân cách, là yếu tố quyết

định hiệu quả của quá trình phát triển nhân cách. Nhưng hoạt động cá nhân theo hướng nào, hiệu quả như thế nào một phần không nhỏ lại phụ thuộc vào tác động của GD.

- **Bốn là, yếu tố tác động của GD**; GD

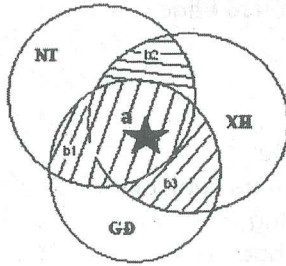


Ghi chú:

- TN, KTXH: Là những điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội, văn hoá, khoa học công nghệ trong và ngoài nước.
- CN: Phải hiểu con người bao gồm mỗi cá nhân và cộng đồng người.
- GD: Cần hiểu theo từ nghĩa rộng đến nghĩa hẹp, bao gồm các quá trình giáo dục, dạy học, hệ thống tổ chức.

Mô hình 1: Mối quan hệ tương hỗ giữa các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển GD

Mô hình 2, 3: Những yếu tố đan xen (giao thoa) ảnh hưởng tới sự phát triển nhân cách.



Chú thích:

NT: Nhà trường

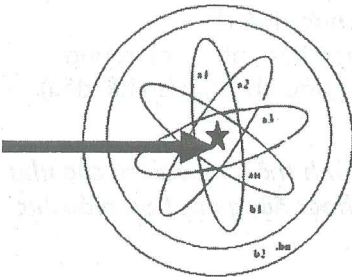
GD: Gia đình

XH: Các tổ chức xã hội

★ Các đối tượng được giáo dục

a : Kế hoạch hoạt động chung của tất cả các lực lượng xã hội.

b1; b2; b3: Những nội dung hoạt động chung của các lực lượng bộ phận



Ghi chú:

★ Con người và sự phát triển nhân cách.

- **a1; a2; a3; a4; a5; a6** là môi trường vi mô, tác động trực tiếp tới sự phát triển nhân cách.

- **b1, b2, b3, ...** là môi trường vĩ mô (môi trường lớn) có tác động trực tiếp và gián tiếp tới cá nhân và tập thể vi mô.

- ➔: Tính chất đan xen của các tác động đến sự phát triển nhân cách.

có vai trò tổ chức, định hướng, điều khiển, điều chỉnh sự phát triển nhân cách (nhất là với HS phổ thông), **GD** (bao gồm cả quản lí GD xã hội, quản lí GD nhà trường và GD gia đình...). Có khả năng **tạo ra môi trường GD thuận lợi** để những yếu tố bản sinh di truyền, yếu tố hoạt động của cá nhân **có cơ hội** cho mỗi cá nhân phát huy tối đa mặt tích cực, hạn chế tối đa mặt tiêu cực tới sự phát triển nhân cách. Các nhà sư phạm thế giới thường ví vai trò của GD, của các nhà sư phạm nghệ nhân làm vườn, như nghệ nhân kim hoàn tài hoa.

Quy luật trên rất quan trọng, là cơ sở phương pháp luận đổi mới GD đang tiến hành. Điều quan trọng là phải thấy sự tác động giao thoa của các yếu tố.

Thế kỉ XXI, những yếu tố đặc điểm tâm sinh lí (bản sinh di truyền). Hoàn cảnh và hoạt động của cá nhân có những thay đổi rất lớn. Khi triển khai đổi mới GD đầu năm 2000, những yếu tố trên đã được nghiên cứu thể hiện trong chương trình khoa học công nghệ cấp Nhà nước, mã số KHXH - 04 - 04, giờ đây có những biến đổi cần nghiên cứu lại. Muốn phát huy vai trò của GD trong việc khai thác tài nguyên người thì nhất thiết phải được nghiên cứu cụ thể những biến đổi trên.

Quy luật trên đây cũng là phương pháp luận cơ bản đối với việc nghiên cứu đổi mới GD, đào tạo

của các trường CĐSP và ĐHSP (xem mô hình 2, 3).

+ Quy luật thứ 3: Sự chế ước chi phối của các yếu tố cấu thành mỗi hoạt động dạy học và GD.

Có thể nói bất kì dạy học một bài, một môn, một lớp, cấp học, ngành học, hay hoạt động GD - đào tạo của một trường và kể cả một hoạt động GD đạo đức, thẩm mỹ... trong và ngoài nhà trường đều phụ thuộc vào các yếu tố chủ quan và khách quan (xem mô hình 4, 5). Nhưng mỗi yếu tố có ý nghĩa, có vai trò quan trọng nhất định và có thể phân làm 3 loại yếu tố.

- **Xác định mục tiêu** là yếu tố định hướng cho hoạt động. Mục tiêu phải đảm bảo hệ thống, phải góp phần thực hiện mục tiêu GD con người phát triển toàn diện ở thời kì CNH, HĐH. Mục tiêu GD con người thời kì CNH, HĐH chi phối mục tiêu các cấp, ngành học, môn học, bài học... Ngược lại mục tiêu từng bài, từng hoạt động, từng lớp, cấp học phải góp phần thực hiện mục tiêu GD chung của con người Việt Nam thời kì CNH, HĐH.

- **Nhóm chủ thể của hoạt động dạy học và GD**, đó là cá nhân và tập thể tham gia vào các hoạt động dạy học và GD.

Lâu nay coi trọng GD nhà trường nên chủ thể là thầy, trò và thường được kí hiệu là GV và HS. Ngày nay, các chủ thể tham gia quá trình GD, dạy học không chỉ trong nhà trường mà còn ở gia đình,